

Số: 1672/OĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định và Báo cáo thẩm định của Bộ Xây dựng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi và thời hạn lập quy hoạch:

a) Phạm vi lập quy hoạch: Phạm vi nghiên cứu trên ranh giới hành chính toàn tỉnh Bình Định có diện tích tự nhiên 6.050 km². Gồm 11 đơn vị hành chính: 01 thành phố, 01 thị xã và 09 huyện.

b) Thời hạn lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2025; giai đoạn dài hạn đến năm 2035.

2. Tính chất quy hoạch:

- Là vùng kinh tế tổng hợp có các ngành kinh tế chủ đạo là ngành kinh tế biển, công nghiệp, dịch vụ chất lượng cao, nông nghiệp công nghệ cao.

- Là trung tâm công nghiệp, văn hóa, du lịch biển, du lịch văn hóa và sinh thái cảnh quan, thương mại - dịch vụ, dịch vụ vận tải biển, y tế, giáo dục đào tạo, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ của vùng duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

- Là đầu mối giao lưu kinh tế xã hội vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, vùng duyên hải Nam Trung Bộ và vùng Tây Nguyên. Cửa ngõ của vùng Tây Nguyên, Nam Lào, Đông Bắc Campuchia, Thái Lan ra biển Đông.

- Là địa bàn giữ vị trí chiến lược quan trọng về quốc phòng, an ninh khu vực Nam Trung Bộ, Tây Nguyên.

3. Mục tiêu quy hoạch:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát huy lợi thế vị trí chiến lược và tiềm năng kinh tế biển, xây dựng hệ thống đô thị - nông thôn tỉnh Bình Định phát triển bền vững trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội - môi trường và đảm bảo an ninh quốc phòng. Nâng cao vị thế của tỉnh, tạo sức lan tỏa đến vùng duyên hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và khu vực Đông Nam Á.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Xây dựng mô hình không gian tỉnh Bình Định phát triển linh hoạt và hiệu quả. Phát triển hệ thống đô thị - nông thôn theo hướng bền vững, giữ gìn sinh thái môi trường và phù hợp với xu thế hội nhập, sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Xây dựng khung hạ tầng kỹ thuật diện rộng, các công trình đầu mối kỹ thuật kết nối đồng bộ với hệ thống đô thị, các khu động lực kinh tế và hệ thống hạ tầng kỹ thuật cấp quốc gia.

- Xây dựng thành phố Quy Nhơn trở thành một trong những trung tâm kinh tế biển của quốc gia, theo định hướng dịch vụ - cảng biển - công nghiệp - du lịch, trọng tâm là dịch vụ - cảng biển tạo sức lan tỏa đến hệ thống đô thị toàn tỉnh Bình Định và vùng Nam Trung Bộ, Tây Nguyên. Phát triển khu kinh tế Nhơn Hội làm động lực quan trọng phát triển kinh tế xã hội.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng về nhân văn, sinh thái, cảnh quan để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch gắn với bảo vệ môi trường.

- Là cơ sở pháp lý triển khai quy hoạch xây dựng đô thị và các khu chức năng đặc thù; lập chương trình kế hoạch phát triển đô thị tỉnh Bình Định.

4. Chỉ tiêu dân số, đô thị hóa và đất xây dựng đô thị

a) Dân số và đô thị hóa:

- Năm 2025 quy mô dân số toàn tỉnh khoảng 1.704.300 người, trong đó: dân số đô thị khoảng 751.500 người; dân số nông thôn khoảng 952.800 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng: 44,1%.

- Năm 2035 quy mô dân số toàn tỉnh khoảng 1.914.590 người, trong đó: dân số đô thị khoảng 930.290 người; dân số nông thôn khoảng: 984.300 người. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng: 48,6%.

b) Dự báo về nhu cầu đất xây dựng: Đến năm 2025 khoảng 11.800 ha - 12.500 ha; năm 2035 khoảng 18.600 ha - 20.000 ha.

5. Mô hình phát triển và cấu trúc không gian vùng:

a) Mô hình phát triển:

Vùng tỉnh Bình Định được phân thành 2 vùng không gian, bao gồm:

- Tiểu vùng số 1 là vùng kinh tế phát triển tổng hợp có diện tích khoảng 364.146 ha, bao gồm: Thành phố Quy Nhơn, thị xã An Nhơn và các huyện Tuy Phước, Vân Canh, Phù Cát, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh; trong đó thành phố Quy Nhơn là đô thị trung tâm tiểu vùng. Định hướng phát triển: Là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của tỉnh Bình Định; phát triển công nghiệp, cảng biển, logistic dựa trên các lợi thế về đầu mối giao thông vùng - quốc gia; phát triển du lịch biển gắn với văn hóa lịch sử; phát triển chuyên sâu lĩnh vực đào tạo giáo dục, y tế.

- Tiểu vùng số 2 là vùng phát triển kinh tế nông nghiệp, chế biến công nghệ cao có diện tích khoảng 240.911 ha, bao gồm các huyện: Phù Mỹ, Hoài Nhơn, An Lão, Hoài Ân; trong đó, Hoài Nhơn là đô thị trung tâm tiểu vùng. Định hướng phát triển: Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển; phát triển nông nghiệp, du lịch sinh thái.

b) Cấu trúc không gian vùng:

Gồm các trục hành lang kinh tế trọng điểm, các trung tâm đô thị động lực, các vùng cảnh quan chính sau đây:

- Các trục hành lang kinh tế trọng điểm:

+ Trục hành lang kinh tế Bắc - Nam dọc quốc lộ 1, gồm chuỗi các đô thị: Quy Nhơn, Diêu Trì, Tuy Phước, Phước Lộc, An Nhơn, Ngô Mây, Phù Mỹ, Bình Dương, Ân Tường Tây, Tăng Bạt Hổ, Hoài Nhơn.

+ Trục hành lang kinh tế Đông - Tây dọc quốc lộ 19, gồm chuỗi các đô thị: Quy Nhơn, An Nhơn, Phước Lộc, Diêu Trì, Tuy Phước, Tây Sơn.

+ Trục hành lang phía Tây dọc tuyến quốc lộ 19C, đường tỉnh 637 gồm chuỗi các đô thị: Vân Canh, Canh Vinh, Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Lão, An Hòa.

+ Trục hành lang phía Đông dọc tuyến quốc lộ 1D, đường tỉnh 639 gồm chuỗi các đô thị: Quy Nhơn, Cát Tiên, Cát Khánh, Mỹ Chánh, Mỹ Thành, Hoài Nhơn.

- Các trung tâm động lực phát triển vùng gồm đô thị: Quy Nhơn, An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn, Cát Tiến và khu kinh tế Nhơn Hội.

- Các vùng cảnh quan: Vùng cảnh quan sản xuất lâm nghiệp ở phía Tây, vùng cảnh quan nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu phía Đông; bảo tồn rừng ngập mặn đầm Thị Nại, Đền Gi, Trà Ô và cảnh quan dọc các sông hồ lớn trong vùng; tạo lập các khu vực cảnh quan, hành lang xanh đan xen giữa các vùng đô thị - công nghiệp.

6. Định hướng phát triển không gian vùng:

- Phát triển không gian vùng tỉnh Bình Định trong mối quan hệ mật thiết với các định hướng phát triển khu vực Tiểu vùng sông Mekong mở rộng, thành phố Quy Nhơn - Khu kinh tế Nhơn Hội là cực tăng trưởng quan trọng kết nối các trung tâm kinh tế đô thị của vùng và quốc gia trên tuyến hành lang xuyên Á Bắc - Nam và Đông Tây (quốc lộ 1, quốc lộ 19, tuyến giao thông cao tốc Bắc Nam).

- Giai đoạn đến năm 2035, hệ thống đô thị tỉnh Bình Định phát triển bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường; diện mạo các đô thị và điểm dân cư nông thôn mang đậm bản sắc văn hóa và cảnh quan thiên nhiên đa dạng vùng Nam Trung Bộ.

Về kinh tế: Tái cấu trúc mạng lưới phân bố đô thị, thúc đẩy phát triển khu kinh tế Nhơn Hội chuyển từ kinh tế công nghiệp đa ngành sang kinh tế tri thức sáng tạo, công nghệ cao. Xây dựng các cơ sở đầu mối hạ tầng đô thị hỗ trợ phát triển cảng biển, sân bay, trung tâm logistic... Bảo vệ các vùng có tiềm năng cảnh quan và văn hóa đầm Thị Nại, Đền Gi, Trà Ô, vịnh Quy Nhơn, bán đảo Phương Mai, ưu tiên phát triển dịch vụ du lịch cao cấp và thu hút các tập đoàn tầm cỡ thế giới đầu tư dự án du lịch chất lượng cao. Vùng nông thôn, phát triển kinh tế hàng hóa dựa trên nền nông nghiệp công nghệ cao.

Về xã hội: Nâng cấp và bổ sung các dịch vụ an sinh xã hội ở các huyện phía Bắc và phía Tây tỉnh Bình Định. Tạo điều kiện để cư dân nông thôn dịch chuyển vào đô thị; khai thác yếu tố văn hóa, nông nghiệp mới gắn với phát triển đô thị vừa và nhỏ, với xây dựng điểm dân cư nông thôn văn minh, hiện đại nhằm tăng cường chất lượng sống của cư dân nông thôn.

Về môi trường: Khoanh vùng khu vực có nguy cơ thiên tai để kiểm soát không cho mở rộng đô thị hay phát triển mới các điểm định cư, nhất là khu vực đồng bằng huyện Tuy Phước, xung quanh đầm Thị Nại, dọc hạ lưu sông Lại Giang, sông Côn, sông Hà Thanh. Khuyến khích phát triển đô thị bền vững về môi trường như: mô hình đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị sử dụng năng lượng tái tạo trong thiết kế nhà ở, công trình công cộng và hạ tầng đô thị.

7. Định hướng phát triển hệ thống đô thị và khu dân cư nông thôn:

a) Định hướng phát triển hệ thống đô thị:

- Đến năm 2025, tỉnh Bình Định có 17 đô thị bao gồm: 01 đô thị loại I (Thành phố Quy Nhơn); 01 đô thị loại III (Thành phố An Nhơn); 02 đô thị loại IV (Hoài Nhơn, Tây Sơn); 10 đô thị loại V hiện hữu (Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Tăng Bạt Hổ, Phù Mỹ, Tuy Phước, Diêu Trì, Bình Dương, Ngô Mỹ, Mỹ Chánh); 03 đô thị loại V hình thành mới (Cát Tiến, huyện Phù Cát; Phước Hòa, huyện Tuy Phước; An Hòa, huyện An Lão).

- Đến năm 2035, tỉnh Bình Định có 22 đô thị bao gồm: 01 đô thị loại I (Thành phố Quy Nhơn); 02 đô thị loại III (Thành phố An Nhơn, đô thị Hoài Nhơn); 02 đô thị loại IV (Tây Sơn, Cát Tiến); 10 đô thị loại V hiện hữu (Vĩnh Thạnh, Vân Canh, An Lão, Tăng Bạt Hổ, Phù Mỹ, Tuy Phước, Diêu Trì, Bình Dương, Ngô Mỹ, Mỹ Chánh); 07 đô thị loại V hình thành mới (Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ; Cát Khánh, huyện Phù Cát; Phước Lộc, huyện Tuy Phước; Ân Tường Tây, huyện Hoài Ân; Canh Vinh, huyện Vân Canh; Phước Hòa, huyện Tuy Phước; An Hòa, huyện An Lão).

b) Định hướng phát triển khu dân cư nông thôn:

Phân bố các điểm dân cư nông thôn tỉnh Bình Định dựa trên lịch sử định cư truyền thống, các định hướng tổ chức sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển không gian đô thị hoá các tiểu vùng phát triển. Tăng cường các công trình hạ tầng cơ bản phục vụ sản xuất, an sinh xã hội phục vụ điểm định cư nông thôn khu vực đồng bằng ven biển, trung du và miền núi của tỉnh. Nghiên cứu xây dựng các điểm định cư nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu. Kết nối nông thôn với hệ thống đô thị và mạng lưới hạ tầng toàn tỉnh. Phát triển các trung tâm xã, trung tâm cụm xã trở thành các trung tâm dịch vụ mới gắn với vùng sản xuất nông lâm ngư nghiệp, khu công nghiệp vừa và nhỏ, khu tiểu thủ công nghiệp, làng nghề phù hợp với tập quán sinh hoạt và đáp ứng tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế:

a) Định hướng phát triển công nghiệp:

- Phát triển các khu định cư gắn với các khu, cụm công nghiệp phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh được phê duyệt.

- Dự kiến diện tích đất xây dựng các khu, cụm công nghiệp toàn tỉnh đến năm 2035 khoảng 6.042 ha, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh được phê duyệt.

- Phân bố các vùng công nghiệp:

+ Vùng dọc quốc lộ 19 và thành phố Quy Nhơn bao gồm thành phố Quy Nhơn, An Nhơn và các huyện Tây Sơn, Tuy Phước. Phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, đóng tàu, sản phẩm hóa chất, công nghiệp, sản xuất và lắp ráp điện, điện tử, dệt may, công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp hỗ trợ,...

+ Vùng đồng bằng ven biển và ven quốc lộ 1 bao gồm đô thị Hoài Nhơn và các huyện Phù Mỹ, Phù Cát. Phát triển các ngành công nghiệp chế biến khoáng sản, chế biến gỗ, chế biến thủy sản, may mặc,... Đầu tư và khai thác hiệu quả trung tâm chế biến thủy sản và dịch vụ hậu cần nghề cá tại Vĩnh Lợi (huyện Phù Mỹ), Đề Gi (huyện Phù Cát) và Tam Quan (đô thị Hoài Nhơn).

+ Vùng Trung du và miền núi bao gồm các huyện An Lão, Hoài Ân, Vĩnh Thạnh và Vân Canh. Hình thành và phát triển các vùng chuyên canh trồng cây công nghiệp tập trung, lâm nghiệp, vùng nguyên liệu giấy gỗ, lâm đặc sản và chăn nuôi tạo nguồn nguyên liệu cho nhà máy chế biến.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng vào các khu công nghiệp Phú Tài, Long Mỹ, Nhơn Hòa, Hòa Hội và trong khu kinh tế Nhơn Hội. Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp Cát Trinh (huyện Phù Cát), Bồng Sơn (đô thị Hoài Nhơn), Bình Nghi - Nhơn Tân (đô thị Tây Sơn). Hình thành khu liên hợp đô thị - công nghiệp - dịch vụ tại đô thị Canh Vinh (huyện Vân Canh). Phát triển mở rộng các khu công nghiệp hiện có và quy hoạch mới một số khu công nghiệp tại các vị trí thuận lợi khác trong vùng.

b) Định hướng phát triển du lịch:

- Phát triển 03 cụm du lịch trọng tâm trên cơ sở lợi thế của từng vùng trong tỉnh, bao gồm:

+ Cụm du lịch Quy Nhơn và phụ cận gồm các điểm du lịch tại thành phố Quy Nhơn, An Nhơn, các huyện Tuy Phước, Vân Canh, Phù Cát. Phát triển du lịch biển đảo chất lượng cao, du lịch tâm linh, tham quan di tích kiến trúc, tôn giáo, thắng cảnh; du lịch khoa học gắn với tổ hợp không gian khoa học - giáo dục Ghềnh Ráng (Thung lũng sáng tạo), du lịch sinh thái gắn với đầm Thị Nại.

+ Cụm du lịch Tây Sơn và phụ cận gồm các điểm du lịch tại đô thị Tây Sơn và huyện Vĩnh Thạnh. Phát triển sản phẩm du lịch, tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, kiến trúc nghệ thuật; lễ hội, tâm linh; giáo dục, tri ân; tham quan, trải nghiệm làng nghề; nghiên cứu hệ sinh thái, tham quan thắng cảnh,...

+ Cụm du lịch Hoài Nhơn và phụ cận gồm các điểm du lịch tại đô thị Hoài Nhơn và các huyện Phù Mỹ, Hoài Ân, An Lão. Phát triển sản phẩm du lịch nghỉ dưỡng, tắm biển; tham quan, tìm hiểu di tích lịch sử - văn hóa; thể thao, vui chơi giải trí, mạo hiểm; văn hóa ẩm thực.

- Xây dựng thành phố Quy Nhơn là trung tâm du lịch của toàn tỉnh và là một trong những trung tâm tiêu vùng du lịch thuộc vùng Duyên hải Nam Trung Bộ. Các trung tâm du lịch phụ trợ gồm đô thị Hoài Nhơn và Tây Sơn.

Phát triển Khu du lịch Phương Mai - Núi Bà quy mô khoảng 2.500 ha trở thành khu du lịch quốc gia với các giá trị sinh thái biển đảo và mang đậm dấu ấn văn hóa Bình Định. Định hướng phát triển quần thể di tích gắn với cuộc khởi nghĩa Tây Sơn, Bảo tàng Quang Trung và đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt thành điểm du lịch quốc gia.

- Tạo lập các tuyến du lịch cấp vùng trên cơ sở kết nối các di sản tự nhiên và văn hóa lịch sử Chăm-pa, Tây Sơn.

c) Định hướng phát triển thương mại và dịch vụ:

- Phát triển trung tâm tài chính, thương mại, dịch vụ cấp vùng tại thành phố Quy Nhơn, An Nhơn, đô thị Hoài Nhơn và khu kinh tế Nhơn Hội. Phát triển hệ thống thương mại, dịch vụ, phân phối hiện đại, kết hợp cải tạo và xây dựng mới hệ thống chợ tại khu vực thành phố, các thị trấn và các khu đô thị mới, khu công nghiệp tập trung của tỉnh.

- Phát triển các trung tâm dịch vụ kho vận cấp vùng, cấp tỉnh tại thành phố Quy Nhơn, An Nhơn, đô thị Hoài Nhơn và Tây Sơn gắn với cảng biển, cảng hàng không, các trục hành lang kinh tế trọng điểm quốc lộ 1, quốc lộ 19 và tuyến thương mại liên vùng.

- Hình thành trung tâm hội chợ, triển lãm cấp vùng, tại thành phố Quy Nhơn. Tại thành phố An Nhơn, đô thị Hoài Nhơn, Tây Sơn hình thành và phát triển các cụm hoặc khu vực hội chợ, triển lãm, các trung tâm xúc tiến quảng bá, giao lưu hàng hóa đóng vai trò kết nối nội vùng và giữa Bình Định với các vùng lân cận. Phát triển các trung tâm thương mại chợ đầu mối tại các vùng sản xuất nông lâm ngư nghiệp có quy mô sản lượng lớn như chợ đầu mối nông lâm sản tại Hoài Nhơn, Tây Sơn, chợ đầu mối thủy sản tại Tam Quan (đô thị Hoài Nhơn), Đề Gi (huyện Phù Cát).

d) Định hướng phát triển nông lâm ngư nghiệp:

- Vùng nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp thích ứng cho những vùng ngập lũ và xâm nhập mặn. Bảo vệ đất nông nghiệp tại các khu vực ven đô thị. Phát triển các vùng nông nghiệp chuyên canh quy mô lớn tại thành phố An Nhơn, huyện Tuy Phước và huyện Phù Mỹ. Xây dựng vùng sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu ở khu vực ven biển phía Đông. Hình thành các vùng chuyên canh vùng nguyên liệu nông sản hàng hóa cho các ngành công nghiệp chế biến, xuất khẩu và tiêu dùng. Nâng cấp và xây dựng mới các trung tâm giống cây trồng, các mô hình nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sạch và an toàn tại các đô thị trung tâm tiêu vùng. Phát triển các mô hình sản xuất nông nghiệp kết hợp du lịch sinh thái.

- Vùng lâm nghiệp: Bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng của các huyện phía Tây, khu bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão; hành lang bảo vệ thuộc lưu vực sông Côn, Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang. Bảo vệ hệ thống rừng phòng hộ và rừng ngập mặn, ven biển tại thành phố Quy Nhơn, đô thị Hoài Nhơn và các huyện Tuy Phước, Phù Cát, Phù Mỹ.

- Vùng ngư nghiệp: Phát triển vùng chuyên canh ngành thủy sản ứng dụng công nghệ sinh học, sản xuất các loại giống nuôi phù hợp với từng vùng. Tăng cường hoạt động khai thác đánh bắt thủy sản gần bờ và xa bờ, những sản phẩm biển có giá trị kinh tế cao, phục vụ ngành chế biến và xuất khẩu hải sản. Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá tại Tam Quan (đô thị Hoài Nhơn), Đê Gi (huyện Phù Cát), trung tâm nuôi trồng thủy sản công nghệ cao huyện Phù Mỹ.

9. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng xã hội:

a) Giáo dục đào tạo:

Hình thành trung tâm nghiên cứu khoa học, giáo dục - đào tạo cấp vùng tại thành phố Quy Nhơn. Tiếp tục đầu tư, mở rộng trung tâm quốc tế khoa học và giáo dục liên ngành tại thành phố Quy Nhơn góp phần thúc đẩy nghiên cứu khoa học cơ bản của Việt Nam cũng như đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho vùng và khu vực. Xây dựng các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng đào tạo theo lĩnh vực công nghệ tại các đô thị động lực như thành phố An Nhơn, đô thị Hoài Nhơn, Tây Sơn, Cát Tiến. Quy hoạch các trường cao đẳng đào tạo các ngành, đa cấp phân bố tại các đô thị nhỏ ở vùng nông thôn.

b) Y tế:

Hình thành tổ hợp công trình y tế chất lượng cao cấp vùng tại thành phố Quy Nhơn. Đầu tư xây dựng mới, kết hợp nâng cấp, cải tạo các bệnh viện chuyên khoa, đa khoa và các trung tâm, trạm y tế hiện hữu trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện di dời các cơ sở khám chữa bệnh có nguy cơ gây ô nhiễm ra khỏi các khu vực đông dân cư.

c) Văn hóa, thể dục thể thao:

Phát triển văn hóa, thể dục thể thao theo hướng bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc trở thành thương hiệu văn hóa - nghệ thuật của tỉnh Bình Định. Xây dựng trung tâm văn hóa - thể dục thể thao, trung tâm hội nghị triển lãm cấp vùng tại thành phố Quy Nhơn, thành phố An Nhơn, đô thị Hoài Nhơn. Xây dựng các nhà văn hóa, nhà thiếu nhi, thể dục thể thao, thư viện tại trung tâm các huyện lỵ. Trùng tu, tôn tạo các di tích văn hóa lịch sử được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh.

10. Định hướng phân bố khu vực bảo tồn vùng cảnh quan tự nhiên:

- Xây dựng và mở rộng khu dự trữ thiên nhiên An Toàn huyện An Lão quy mô cấp quốc gia với tổng diện tích khoảng 26.050 ha. Xây dựng hệ thống hành lang đa dạng sinh học nối với khu dự trữ thiên nhiên An Toàn với khu bảo tồn Kon Chư Răng (tỉnh Gia Lai) và khu bảo tồn Tây Ba Tư (tỉnh Quảng Ngãi).

- Xây dựng các khu bảo tồn, khu bảo vệ cảnh quan, khu dự trữ thiên nhiên cấp tỉnh trên cơ sở bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài, nguồn gen, quý, hiếm của tỉnh Bình Định, bao gồm: Khu bảo tồn Loài - sinh cảnh đầm Trà Ô, huyện Phù Cát; Khu bảo vệ cảnh quan núi Bà, huyện Phù Cát; Khu bảo vệ cảnh quan Vườn cam Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh; Khu bảo vệ cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn; Khu dự trữ thiên nhiên đầm Thị Nại, khu bảo vệ cảnh quan biển Quy Nhơn, thành phố Quy Nhơn.

11. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng:

a) Giao thông:

- Đường bộ:

+ Tuyến cao tốc Bắc - Nam, tuyến Quy Nhơn - Pleiku, đường tuần tra ven biển (thực hiện theo quy hoạch, dự án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt).

+ Các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ:

. Kết nối các tuyến quốc lộ, tỉnh lộ trong vùng tạo thành mạng lưới liên hoàn và đấu nối với hệ thống đường cao tốc quốc gia góp phần nâng cao năng lực vận tải của mạng lưới đường bộ.

. Nâng cấp, cải tạo các tuyến quốc lộ 1, quốc lộ 1D, quốc lộ 19, quốc lộ 19B, quốc lộ 19C đạt cấp tiêu chuẩn đường cấp I, II, III, quy mô 4 - 6 làn xe.

. Nâng cấp các tuyến đường tỉnh, đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp V - cấp III tùy theo yêu cầu từng đoạn. Xây dựng mới các đường tỉnh: đường Phú Phong - Bồng Sơn; đường Phú Phong - Vĩnh Thạnh; đường An Lão - Bồng Sơn; đường Phù Mỹ - Vĩnh Thạnh; đường Hoài Ân - Vĩnh Thạnh; đường Hoài Nhơn - Gia Lai; đường Tây Sơn - Vĩnh Thạnh - An Lão.

. Đường bộ ven biển: Thực hiện theo Quy hoạch chi tiết tuyến đường bộ ven biển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 129/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2010. Toàn tuyến đảm bảo tối thiểu đạt cấp III.

+ Giao thông đô thị và nông thôn:

. Xây dựng hệ thống giao thông đô thị đồng bộ với các quy hoạch chuyên ngành và theo quy hoạch đô thị, đảm bảo tính kết nối, liên hoàn giữa hệ thống giao thông đô thị với mạng lưới giao thông vận tải của vùng, quốc gia.

. Đầu tư phát triển hệ thống giao thông nông thôn trong vùng đảm bảo theo tiêu chí xây dựng nông thôn mới, đạt 100% loại A - giao thông nông thôn trở lên; kết nối liên thông với các tuyến tỉnh lộ, quốc lộ đáp ứng nhu cầu về vận tải và phát triển hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

- Đường sắt: Nâng cấp tuyến đường sắt Bắc - Nam hiện có; nâng cấp ga Diêu Trì thành ga tổng hợp Quy Nhơn; xây mới 02 ga logistics tại Phước Lộc và Canh Vinh. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để từng bước triển khai xây dựng mới tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam đoạn qua Bình Định.

- Đường hàng không: Nâng cấp, mở rộng cảng hàng không Phù Cát theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.

- Đường thủy:

+ Cảng: Thực hiện theo quy hoạch phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2030. Xây dựng mới cảng Nhơn Hội là cảng chuyên dùng, phục vụ trực tiếp cơ sở công nghiệp, dịch vụ quy mô lớn. Nâng cấp bến Tam Quan (đô thị Hoài Nhơn), Đê Gi (huyện Phù Cát) phục vụ hậu cần dịch vụ nghề cá và neo đậu tàu thuyền.

+ Đường thủy nội địa: Nâng cấp, cải tạo các luồng tuyến đường thủy chính đạt cấp kỹ thuật theo quy định như tuyến Đê Gi - Tam Quan, tuyến Đê Gi - Quy Nhơn, tuyến Tam Quan - Quy Nhơn...

b) Quy hoạch chuẩn bị kỹ thuật:

- Không chế cao độ xây dựng cho các đô thị theo các tiêu chí đảm bảo an toàn ngập lũ, chống sạt lở ứng phó với biến đổi khí hậu. Thực hiện quản lý các cao độ xây dựng không chế và các trục tiêu chính trong vùng (sông Côn và sông Hà Thanh, sông La Tinh, sông Lại Giang); nâng cấp, xây dựng hệ thống hồ chứa nước thượng nguồn các con sông để kiểm soát lũ cho hạ lưu; khơi thông các lòng sông, cửa sông; xây dựng hệ thống công trình kè chống xói lở ven sông.

- Hoàn chỉnh hệ thống thoát nước cho các đô thị, tiến tới đạt 80 - 100% đường nội thị của các đô thị có công thoát nước mưa, 70% đường ngoại thị có công thoát nước mưa.

- Biện pháp phòng chống thiên tai: Lập dự án quy hoạch phòng chống thiên tai để đánh giá tình hình thiên tai trên toàn tỉnh nhằm từng bước cụ thể hóa các dự án khả thi đưa người dân ra khỏi vùng ảnh hưởng của thiên tai.

c) Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn nước: Khai thác nguồn nước ngầm chủ yếu ở các khu vực nằm dọc hạ lưu các sông như sông Hà Thanh, sông Côn, sông Lại Giang... Đến năm 2025 hạn chế sử dụng nguồn nước ngầm và đến năm 2035 ưu tiên sử dụng nguồn nước mặt.

- Nhu cầu cấp nước:

+ Đến năm 2025: Tổng nhu cầu là 304.000 m³/ngày đêm, trong đó đô thị, du lịch là 156.000 m³/ngày đêm; công nghiệp là 50.000 m³/ngày đêm; nông thôn là 98.000 m³/ngày đêm.

+ Đến năm 2035: Tổng nhu cầu là 400.000 m³/ngày đêm, trong đó đô thị, du lịch là 231.000 m³/ngày đêm; công nghiệp là 98.000 m³/ngày đêm; nông thôn là 71.000 m³/ngày đêm.

- Giải pháp cấp nước:

+ Cải tạo nâng công suất 10 nhà máy nước: Tuy Phước (huyện Tuy Phước), Cát Khánh (huyện Phù Cát), Phú Phong (đô thị Tây Sơn), Bình Dương, Phù Mỹ, Mỹ Chánh, Mỹ Thành (huyện Phù Mỹ), Bồng Sơn (đô thị Hoài Nhơn), Tăng Bạt Hổ, Ân Tường Tây (huyện Hoài Ân). Xây dựng mới 07 nhà máy nước: Quy Nhơn (thành phố Quy Nhơn), An Hòa (huyện An Lão), Ngô Mây, Cát Tiến (huyện Phù Cát), Nhơn Hòa, Hồ Núi Một (thành phố An Nhơn), Canh Vinh (huyện Vân Canh).

+ Giữ nguyên các công trình cấp nước nhỏ lẻ có chất lượng tốt; bảo dưỡng, nâng cấp hệ thống công trình đảm bảo yêu cầu cấp nước nông thôn; ưu tiên xây dựng hệ thống cấp nước tập trung vùng đông dân cư, các xã đồng bằng ven biển.

d) Quy hoạch cấp điện:

- Nhu cầu cấp điện công suất cực đại: Đến năm 2025 là 983 MW; đến năm 2035: 1.638 MW.

- Nhà máy điện: Sử dụng nguồn từ các nhà máy thủy điện sau: An Khê, công suất 160 MW; Vĩnh Sơn, công suất 2x33 MW; Vĩnh Sơn 5, công suất 28 MW; Trà Xom, công suất 20 MW; Bình Định, công suất 9,9 MW; Tiên Thuận, công suất 9,5 MW; Văn Phong, công suất 6 MW. Phát triển các dự án nguồn điện năng lượng mới và tái tạo (năng lượng mặt trời, năng lượng gió,...) theo quy hoạch phát triển điện lực của địa phương.

- Lưới điện 500 kV: Xây mới trạm 500 kV Bình Định, công suất (2x600) MVA; đường dây 500 kV Vân Phong - Bình Định và nhánh rẽ trạm 500 kV Bình Định.

- Lưới điện 220 kV: Xây mới 03 trạm biến áp 220 kV gồm trạm 220 kV Phước An, công suất (2x125) MVA; trạm biến áp 220 kV Phù Mỹ, công suất (2x125) MVA; trạm biến áp 220 kV Nhơn Hội, công suất 250 MVA.

Nâng công suất trạm biến áp 220 kV Quy Nhơn (2x250) MVA. Xây mới tuyến 220 kV mạch kép Quy Nhơn - Quảng Ngãi; tuyến nhánh rẽ 220 kV cấp điện cho trạm 220 kV Phù Mỹ, trạm biến áp 220 kV Phước An; tuyến 220 kV mạch kép Quy Nhơn - Nhơn Hội; tuyến 220 kV Quy Nhơn - Phú Yên; đường dây 500 kV Bình Định - Nhơn Hội và trạm biến áp 500 kV Bình Định - Phước An - Phù Mỹ.

- Lưới điện 110 kV: Xây mới 23 trạm biến áp 110 kV cấp điện cho các phụ tải với tổng công suất 1164 MVA; cải tạo, mở rộng nâng công suất 8 trạm 110 kV với tổng công suất 316 MVA; xây mới 238 km đường dây 110 kV và cải tạo 338,5 km đường dây 110 kV.

đ) Quy hoạch viễn thông thụ động:

- Nhu cầu thông tin liên lạc: Đến năm 2025 là 532.000 thuê bao; đến năm 2035: 651.000 thuê bao.

- Chuyển mạch: Đến năm 2035 số thuê bao toàn tỉnh là 651.000 thuê bao, với tổng dung lượng hiện tại khoảng 366.500 thuê bao, cần lắp đặt và mở rộng các điểm chuyển mạch với tổng dung lượng 295.500 thuê bao.

- Truyền dẫn: Nâng cấp các trục truyền dẫn hiện hữu theo công nghệ truyền dẫn tiên tiến các trục sau: Quy Nhơn - Tuy Hòa; Quy Nhơn - Tuy Phước - Phù Cát - Phù Mỹ - Hoài Nhơn - An Lão; Quy Nhơn - Nhơn Hội - Cát Tiến; Phước Sơn - Chợ Dinh; Quy Nhơn - Vân Canh - Tây Sơn - Vĩnh Thạnh - Hoài Ân - Hoài Nhơn.

- Mạng ngoại vi: Thực hiện ngầm hóa khu vực trung tâm thành phố Quy Nhơn, đô thị Hoài Nhơn và khu đô thị xây mới; đối với khu ngoại thị, nông thôn, miền núi sử dụng cáp đồng trục; mạng ngoại vi bắt buộc dùng chung cơ sở hạ tầng, không cho phép có nhiều tuyến cáp chôn trên một tuyến đường.

- Mạng Internet: Truy cập internet băng thông rộng theo 2 phương thức qua mạng cáp nội hạt và vô tuyến.

- Bưu chính: Mạng lưới bưu cục vẫn được tổ chức theo 3 cấp như hiện nay, gồm bưu cục cấp I, cấp II và cấp III; giữ nguyên số lượng bưu cục, nâng cấp đầu tư các thiết bị hiện đại, linh động trong việc khai thác nhằm sử dụng tài nguyên hiệu quả.

e) Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

- Thoát nước thải:

+ Nhu cầu thoát nước thải: Tổng lượng nước thải sinh hoạt đô thị, du lịch đến năm 2025 là 182.000 m³/ngày, đến năm 2035 là 275.000 m³/ngày. Tỷ lệ thu gom xử lý tối thiểu 80%. Lượng nước thải công nghiệp đến năm 2025 là 74.000 m³/ngày, đến năm 2035 là 118.000 m³/ngày. Tỷ lệ thu gom xử lý đạt 100%.

+ Thành phố Quy Nhơn: Xây dựng hệ thống thoát nước nửa riêng, sử dụng 02 trạm xử lý hiện có: 01 trạm công suất 28.000 m³/ngày, quy mô khoảng 12,0 ha và 01 trạm công suất 4.300 m³/ngày, quy mô khoảng 5 ha.

+ Khu kinh tế Nhơn Hội, đô thị Cát Tiến: Sử dụng hệ thống thoát nước riêng. Xây dựng 01 trạm xử lý Nhơn Hội, công suất: 10.000 m³/ngày, quy mô 7 ha và 01 trạm xử lý tại Cát Tiến, công suất: 7.000 m³/ngày, quy mô 5,0 ha.

+ Thành phố An Nhơn và đô thị Hoài Nhơn: Sử dụng hệ thống thoát nước nửa riêng. Xây dựng trạm xử lý nước thải cho từng đô thị công suất: từ 3.000 - 15.000 m³/ngày, quy mô khoảng 5 - 10 ha/trạm xử lý.

+ Các đô thị khác: Lựa chọn hình thức xử lý nước thải bằng các hồ sinh học. Dự kiến xây dựng từ 1 đến 2 trạm xử lý cho mỗi đô thị công suất khoảng 1.000 - 6.000 m³/ngày, quy mô từ 1 - 3 ha/trạm xử lý.

+ Nước thải công nghiệp được xử lý riêng theo từng khu, cụm công nghiệp.

- Quản lý chất thải rắn:

+ Dự báo lượng chất thải rắn sinh hoạt, du lịch phát sinh đến năm 2025 khoảng 1.350 tấn/ngày, đến năm 2035 khoảng 1.850 tấn/ngày. Chất thải rắn y tế đến năm 2025 khoảng 8,0 tấn/ngày, đến năm 2035 khoảng 11,0 tấn/ngày. Chất thải rắn công nghiệp đến năm 2025 khoảng 670 tấn/ngày, đến năm 2035 khoảng 1.300 tấn/ngày.

+ Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt, y tế và công nghiệp đạt 95 - 100%.

+ Xây dựng 3 khu xử lý chất thải rắn cấp vùng: 01 khu xử lý chất thải rắn Long Mỹ, thành phố Quy Nhơn công suất: 8.000 tấn/ngày, quy mô khoảng 61 ha; 01 khu xử lý chất thải rắn xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát, công suất: 1.500 tấn/ngày, quy mô khoảng 30 - 70 ha; khu xử lý chất thải rắn đô thị Hoài Nhơn, công suất: 200 tấn/ngày, quy mô khoảng 15 - 20 ha.

- Nghĩa trang:

+ Xây dựng 02 nghĩa trang tập trung cấp vùng, bao gồm: 01 nghĩa trang tại xã Cát Nhơn thuộc huyện Phù Cát, quy mô khoảng 45 ha; 01 nghĩa trang tại phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn quy mô khoảng 68 ha.

+ Thành phố An Nhơn và đô thị Hoài Nhơn: Xây dựng nghĩa trang tập trung, quy mô 15 - 17 ha/01 đô thị.

+ Các đô thị khác: Cải tạo, mở rộng nghĩa trang tập trung quy mô từ 2 - 5 ha/01 đô thị.

+ Khu vực nông thôn: Đóng cửa các nghĩa trang gây ô nhiễm, không đủ khoảng cách an toàn vệ sinh môi trường. Khoanh ranh giới, cải tạo các nghĩa trang hiện hữu đảm bảo tiêu chuẩn.

g) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Bảo vệ môi trường biển và ven biển tỉnh Bình Định. Xây dựng và triển khai các giải pháp phục hồi rừng ngập mặn ven biển để giảm thiểu các tác động tiêu cực trong quá trình phát triển đô thị, công nghiệp đến môi trường biển và đầm phá. Quản lý nghiêm ngặt rừng phòng hộ đầu nguồn, khu dự trữ sinh quyển để bảo vệ nguồn nước. Bảo vệ và phát triển các không gian xanh, rừng phòng hộ, rừng sản xuất, các hành lang xanh dọc sông Côn, Hà Thanh, La Tinh, Lại Giang... Hạn chế không phát triển trong hành lang thoát lũ, các hoạt động làm biến đổi dòng chảy, gây mất an toàn đối với các khu dân cư và cơ sở hạ tầng.

- Xây dựng các giải pháp chủ động phòng tránh và ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng; các giải pháp chống ngập, lũ lụt, xâm nhập mặn tại Tiểu vùng số 1 và khu vực ven biển. Tăng diện tích cây xanh và mặt nước giúp tăng khả năng thoát nước và điều hòa vi khí hậu. Tăng cường sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái chế; giảm các nguồn gây ô nhiễm, phát thải khí nhà kính; thích ứng với biến đổi khí hậu trong phát triển đô thị - nông thôn. Cải tạo, xây dựng đồng bộ hệ thống thoát nước đô thị. Phát triển không gian rừng kết nối với các mảng xanh nông nghiệp, công viên chuyên đề, không gian mở của các đô thị.

- Xây dựng chương trình quản lý kiểm soát môi trường các lưu vực sông chính trong vùng. Xây dựng chương trình kiểm soát ô nhiễm môi trường do chất thải từ các đô thị, khu, cụm công nghiệp, giao thông vận tải,... Xây dựng hệ thống giám sát chất lượng môi trường vùng, hệ thống quan trắc, cảnh báo sớm tác động của biến đổi khí hậu như lũ lụt, xâm nhập mặn, nước biển dâng.

12. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư:

- Xây dựng và phát triển đô thị: Xây dựng chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh. Xây dựng mới các đô thị Cát Tiến (huyện Phù Cát), Phước Hòa (huyện Tuy Phước), An Hòa (huyện An Lão). Đầu tư và nâng cấp đô thị An Nhơn, Hoài Nhơn, Tây Sơn. Xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất của khu kinh tế Nhơn Hội.

- Hạ tầng kỹ thuật: Ưu tiên phát triển hạ tầng kỹ thuật khung kết nối với hệ thống quốc gia và vùng như: Nâng cấp các tuyến quốc lộ 1, quốc lộ 19, quốc lộ 19B, quốc lộ 19C; nâng cấp mở rộng và xây mới các tuyến đường tỉnh nhằm tăng cường kết nối với hệ thống quốc lộ, các tuyến liên vùng;

nâng cấp cảng hàng không Phù Cát, xây dựng ga Quy Nhơn, mở rộng cảng Quy Nhơn. Xây dựng dự án phòng chống ngập úng tại các huyện, thành phố ven biển, các dự án thủy lợi và phòng chống lũ liên vùng, xây dựng quy hoạch thoát nước đô thị vùng tỉnh. Xây mới và nâng cấp các nhà máy nước vùng tỉnh. Xây dựng hoàn thiện khu xử lý chất thải rắn cấp vùng tại huyện Phù Cát.

- Về hạ tầng xã hội: Đầu tư các dự án trọng điểm đầu tư các trung tâm y tế, giáo dục và đào tạo, văn hóa - thể dục thể thao cấp vùng tại các đô thị trung tâm tiểu vùng.

- Về thương mại - dịch vụ, du lịch: Đầu tư các dự án lớn thương mại dịch vụ tại các vùng tập trung phát triển đô thị - công nghiệp và các cực tăng trưởng trọng điểm, gắn với các đầu mối giao thông quan trọng. Ưu tiên đầu tư các dự án du lịch cao cấp tại thành phố Quy Nhơn và khu kinh tế Nhơn Hội. Đầu tư phát triển đô thị Tây Sơn thành trung tâm du lịch văn hóa cấp vùng gắn với lịch sử thời kỳ Tây Sơn - Nguyễn Huệ.

- Về phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn: Ưu tiên đầu tư khu nông nghiệp công nghệ cao, vùng sản xuất trồng trọt và chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao. Phát triển các vùng chuyên canh quy mô lớn cây công nghiệp, vùng lúa chất lượng cao, cây ăn quả có giá trị kinh tế cao.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định:

Tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định; ban hành quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035;

Lập chương trình phát triển đô thị, hồ sơ khu vực phát triển đô thị, lập các quy hoạch đô thị tiếp theo để cụ thể hóa đồ án Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035. Xây dựng và ban hành quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc các đô thị;

Xây dựng cơ chế, chính sách để thực hiện các chương trình và dự án phát triển đô thị ưu tiên đầu tư theo đồ án quy hoạch được duyệt.

- Các bộ, ngành trung ương liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Bình Định đến năm 2035 theo quy định.

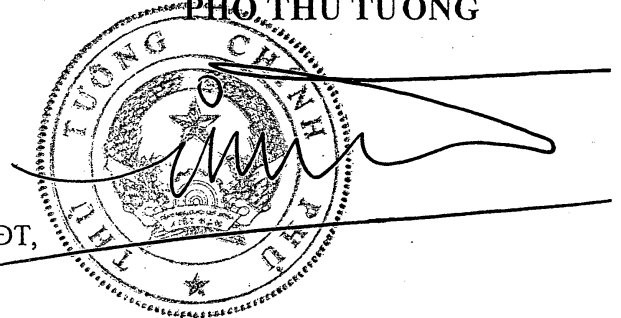
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Quốc phòng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Công Thương, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải;
- Ủy ban dân tộc;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Bình Định;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, QHĐP, KTTH, NN, NC, KGVX;
- Lưu: VT, CN (2b). PC *SA*

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trịnh Đình Dũng